

Số: /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2026 về dự thảo Quyết định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và ý kiến thống nhất của thành viên UBND thành phố tại cuộc họp UBND thành phố ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ mầm non học tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập; học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (Kể cả học sinh các phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú và học viên tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông) (sau đây gọi là học sinh).

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (Kể cả các trường phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú và trung tâm giáo dục thường xuyên công lập) (sau đây gọi là cơ sở giáo dục).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải được sự thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh và cơ sở giáo dục bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện; các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch thu, chi cụ thể, đúng mục đích, thu đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính chất kinh doanh.

b) Các cơ sở giáo dục tổ chức thu các khoản thu theo quy định, mức thu từng khoản phải phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, thu nhập của cha mẹ học sinh. Không nhất thiết phải thu đầy đủ các khoản thu theo quy định tại Quyết định này.

c) Các mức thu quy định tại Quyết định này là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng địa phương (phường, xã) quyết định mức thu áp dụng tại địa phương mình, cơ sở giáo dục thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Quyết định này. Trong các năm tiếp theo, mức thu có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế; mức điều chỉnh tối đa không vượt quá 15% so với mức thu của năm trước liền kề.

2. Danh mục các khoản thu và mức thu

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú					
1.1	Tiền ăn của học sinh					
a)	Bữa ăn sáng					
-	Tiền mua thực phẩm	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	18.000	18.000		
-	Tiền phụ phí (gas, điện, nước uống, nước rửa, xà phòng,...)	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	2.000	2.000		
b)	Bữa ăn chính và xế					
-	Tiền thực phẩm buổi chính và xế (thực phẩm)	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	32.000	32.000		
-	Tiền phụ phí (gas, điện, nước uống, nước rửa, xà phòng...)	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	4.000	4.000		
2.	Dịch vụ chăm sóc bán trú					
-	Ăn sáng, ăn trưa và ăn xế	Đồng/trẻ(học sinh)/tháng	450.000	330.000		
-	Ăn trưa và ăn xế	Đồng/trẻ(học sinh)/tháng	380.000	270.000		
3.	Quản lý học sinh có tổ chức dạy học các môn năng khiếu, kĩ năng sống, STEM/STEAM trong buổi 2 (tối đa 03 tiết/tuần), ngoài giờ chính khóa (tối đa 2 tiết/buổi) hoặc trong hè (tối đa 03 tiết/buổi)	Đồng/học sinh/tiết		24.000		
4.	Dịch vụ tổ chức bán trú hè	Đồng/trẻ	1.000.000			

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
	(bao gồm: thuê người nấu, công tác quản lý bán trú)	/tháng				
5.	Dịch vụ tổ chức bán trú mầm non thứ 7 (bao gồm: thuê người nấu, chi tiền làm thêm ngoài giờ, quản lý bán trú) (3 ngày/tháng)	Đồng/trẻ /tháng	240.000			
6.	Dịch vụ hoạt động trải nghiệm giáo dục kỹ năng sống: thể dục nghệ thuật, làm quen tiếng Anh, năng khiếu hội họa, âm nhạc, võ thuật, stem/steam...	Đồng/trẻ/ giờ	20.000			
7.	Dịch vụ sử dụng và bảo trì máy lạnh (Điện, bảo dưỡng định kỳ)	Đồng/trẻ (học sinh)/ tháng	40.000	40.000	25.000	25.000
8.	Dịch vụ đưa đón học sinh bằng xe Ô tô					
-	Tuyến đường dưới 5km	Đồng/km/trẻ		10.000		
-	Tuyến đường 5km – 10km	Đồng/km/trẻ		8.000		
9.	Dịch vụ khám sức khỏe tổng quát học sinh (bao gồm khám nha học đường)	Đồng/học sinh/ lần/năm	40.000	40.000	40.000	40.000
10.	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Đồng/học sinh/năm	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận
11.	Dịch vụ giáo dục Stem/Steam	Đồng/ học sinh /giờ	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận
12.	Dịch vụ mời chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sỹ, huấn luyện viên, vận động viên	Đồng/học sinh/buổi	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận	Thỏa thuận

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
	tham gia các hoạt động giáo dục trong trường phổ thông					

Ghi chú: *Giải thích từ ngữ:*

- Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số bao gồm: Sổ liên lạc điện tử; ứng dụng truyền thông nội bộ; tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ bằng trực tuyến; kết nối với phần mềm quản lý kết quả học tập người học; hệ thống khảo sát năng lực ngoại ngữ (4 kỹ năng, nghe, nói, đọc, viết).

- Giáo dục Stem/Steam, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) bao gồm: Cung cấp nội dung, kho học liệu, tài liệu phục vụ STEM, STEAM and Robotic; xây dựng, tổ chức dạy các chương trình về AI, kỹ năng số, công dân số.

Điều 3. Cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Thực hiện việc thu, chi bảo đảm công khai theo đúng quy định hiện hành.

2. Các khoản thu, chi phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác các khoản thu và chi phí đối với từng hoạt động. Không điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác. Cuối năm học không chi hết phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu được cha mẹ học sinh đồng ý. Riêng các khoản thu liên quan đến công tác tổ chức bán trú, cuối năm học không chi hết phải trả lại cho cha mẹ học sinh.

3. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

4. Trường hợp các khoản thu hoạt động dịch vụ có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, đơn vị sự nghiệp công phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện; tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, PCT, UV HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- VP: Thành ủy, UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, Sở GDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH